

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

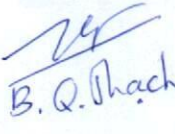
Môn học : [22829303] - Hệ thống điện nhà
thông minh (CCQ2205C)

CBGD: Bùi Quốc Thạch (280041)

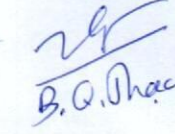
Số SV có mặt: 17...

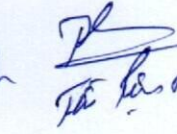
Số bài thi:17...

Số tờ giấy thi: 17...


B. Q. Thạch


Trần Thị Ngọc


B. Q. Thạch


Trần Thị Ngọc

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050151	Lê Quý	Cầu	11/10/2004	CCQ2205C		Cầu	6,3	7,0	6,7
2	2122050082	Đoàn Đông	Cơ	16/03/2004	CCQ2205C		Đông	6,0	7,0	6,6
3	2122050087	Lê Việt	Đông	17/02/2004	CCQ2205C		Việt	8,7	8,5	8,6
4	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A		Bá	8,2	9,0	8,7
5	2122050142	Đương Văn	Đũng	15/12/2001	CCQ2205C					
6	2122180005	Đoàn Tất	Giáp	01/08/2004	CCQ2205C		Tất	7,7	7,0	7,3
7	2122050139	Võ Văn	Hùng	23/01/2004	CCQ2205C		Hùng	7,0	7,0	7,0
8	2122050077	Nguyễn Công	Hưng	12/12/2004	CCQ2205C		Nguyễn Công	6,5	7,5	7,1
9	2122050083	Nguyễn Duy	Khánh	30/11/2004	CCQ2205C		Duy	8,0	8,5	8,3
10	2122050086	Trần Đăng	Khoa	01/01/2004	CCQ2205C		Đăng	8,2	8,0	8,1
11	2122050092	Trần Hiếu	Kỳ	07/12/2004	CCQ2205C					
12	2122050071	Nguyễn Công	Lập	02/09/2004	CCQ2205C		Nguyễn Công	8,2	9,5	9,0
13	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C		Nguyễn Văn	8,2	8,0	8,1
14	2122050099	Trương Công	Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C		Trương Công	6,2	6,5	6,4
15	2122050075	Nguyễn Đình	Ngọc	12/10/2003	CCQ2205C		Nguyễn Đình	8,2	7,5	7,8
16	2122050076	Lương Văn	Nhân	20/02/2004	CCQ2205C		Lương Văn	6,3	7,0	6,7
17	2122140060	Mai Quốc	Nhật	02/02/2004	CCQ2205C		Quốc	6,7	7,0	6,9
18	2122050097	Nguyễn Minh Khánh	Nhật	26/09/2003	CCQ2205C					
19	2122050148	Nguyễn Minh	Phúc	14/07/2004	CCQ2205C		Minh	6,2	6,5	6,4
20	2122050089	Nguyễn Đức	Quân	10/05/2004	CCQ2205C		Đức	7,0	7,5	7,3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829301] - Hệ thống điện nhà
thông minh (CCQ2205A)

CBGD: Bùi Quốc Thạch (280041)

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

B. Q. Thạch Tôn Thị Mỹ B. Q. Thạch Tôn Thị Mỹ

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường	An	02/09/2004	CCQ2205B		<u>AD</u>	8,3	8,0	8,1
2	2122050004	Trương Khánh	Âu	12/08/2004	CCQ2205A		<u>ct</u>	9,0	9,0	9,0
3	2122050009	Nguyễn Thành Thanh	Bảo	14/05/2004	CCQ2205A		<u>BT</u>	9,0	9,0	9,0
4	2122050043	Đặng Quốc	Cường	18/03/2004	CCQ2205B		<u>Cuong</u>	7,0	7,5	7,3
5	2122050022	Mai Quang	Đại	10/06/2004	CCQ2205A		<u>Đại</u>	7,2	7,5	7,4
6	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	09/12/2004	CCQ2205A		<u>ND</u>	7,5	7,5	7,5
7	2122050012	Huỳnh Ngô Phước	Hải	26/03/2004	CCQ2205A		<u>Hai</u>	7,3	7,5	7,4
8	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A		<u>HC</u>	6,7	7,0	6,9
9	2122050119	Trương Minh	Hiền	16/11/2024	CCQ2205A		<u>gy</u>	7,0	8,0	7,6
10	2122050029	Lương Duy	Khoa	11/06/2003	CCQ2205A		<u>Khoa</u>	8,2	9,0	8,7
11	2122050015	Trương Đắc	Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A		<u>ngoc</u>	7,3	7,5	7,4
12	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu	Nhân	17/11/2004	CCQ2205A		<u>elhan</u>	8,2	8,0	8,1
13	2122050017	Huỳnh Tuấn	Nhật	05/03/2004	CCQ2205A		<u>nhut</u>	8,3	8,5	8,4
14	2122050003	Nguyễn Minh	Nhật	06/01/2004	CCQ2205A					
15	2122050118	Lê Tuấn	Phong	02/08/2004	CCQ2205A		<u>Phong</u>	6,0	6,5	6,3
16	2122050028	Lê Mậu Hải	Quân	09/03/2004	CCQ2205A					
17	2122050135	Nguyễn Hoàng	Quốc	08/03/2004	CCQ2205A		<u>Quoc</u>	6,5	7,0	6,8
18	2122050121	Lê Đình	Sơn	07/04/2004	CCQ2205A		<u>Son</u>	7,5	8,0	7,8
19	2122050058	Đặng Minh	Trọng	12/02/2004	CCQ2205B		<u>Trong</u>	7,3	7,5	7,4
20	2122050039	Lê Văn	Tường	01/04/2004	CCQ2205B		<u>Tuong</u>	7,7	7,5	7,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829305] - Hệ thống điện nhà
thông minh (CCQ2205A)

CBGD: Bùi Quốc Thạch (280041)

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050060	Lê Văn Cang	19/08/2005	CCQ2305B		Cang	7,0	7,5	7,3
2	2123050084	Lê Văn Danh	10/11/1997	CCQ2305B		Danh	7,2	7,5	7,4
3	2123050171	Nhã Văn Diên	02/05/2005	CCQ2305D					
4	2122050023	Trần Hữu Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A		Hoàng	8,3	8,0	8,1
5	2123050082	Phan Hữu Hội	21/09/2005	CCQ2305B		Hội	8,0	8,0	8,0
6	2122050031	Đào Minh Nhật	31/01/2004	CCQ2205A		Nhật	7,2	7,5	7,4
7	2122050018	Trương Tấn Tài	02/01/2004	CCQ2205A		Tài	7,5	7,5	7,5
8	2122050007	Nguyễn Duy Tân	20/01/2004	CCQ2205A		Tân	7,0	7,5	7,3
9	2122050027	Nguyễn Thành Thái	13/04/2004	CCQ2205A		Thái	8,8	9,0	8,9
10	2122050030	Khê Như Thuần	13/09/2004	CCQ2205A		Thuần	7,2	8,5	8,0
11	2122050019	Nguyễn Văn Minh Thuận	12/03/2004	CCQ2205A		Thuần	7,2	7,0	7,1
12	2122050021	Phạm Văn Thiện Thuật	19/01/2001	CCQ2205A		Thuật	6,7	7,5	7,2
13	2122050006	Nguyễn Duy Tiên	09/01/2003	CCQ2205A		Tiên	6,0	6,5	6,3
14	2122050035	Đào Phú Minh Trịnh	11/04/2004	CCQ2205A		Trịnh	7,5	7,0	7,2
15	2122050025	Đặng Minh Trực	07/01/2004	CCQ2205A		Trực	8,2	8,0	8,1
16	2122050014	Huỳnh Văn Trường	07/01/2004	CCQ2205A		Trường	6,8	7,5	7,2
17	2122050016	Hồ Minh Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A		Tuấn	6,5	6,5	6,5
18	2122050024	Nguyễn Văn Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A		Tuấn	7,2	8,0	7,7
19	2122140015	Ngô Hoàng Việt	07/07/2004	CCQ2205A		Việt	7,3	7,0	7,1
20	2122050010	Nguyễn Quốc Việt	17/05/2004	CCQ2205A		Việt	7,2	7,0	7,1